SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN HUỆ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ
2. Địa chỉ: 560B Quang Trung, phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội
3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập
4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô, cho đất nước. Đào tạo những học sinh đạt kết quả xuất sắc trong rèn luyện, học tập nhằm phát triển năng khiếu về một môn học, hai môn học hoặc một lĩnh vực chuyên trên cơ sở bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Tổ chức hướng dẫn học sinh làm quen với nghiên cứu khoa học, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện của trường và tâm sinh lý học sinh.

- Tầm nhìn: Vào năm 2030, trường trung học phổ thông chuyên Nguyễn Huệ sẽ trở thành Trường THPT chuyên chất lượng cao có khả năng cạnh tranh vào vị trí cộng đồng các trường có tiếng trong khu vực. Vào năm 2035, Trường sẽ trở thành Trường THPT chuyên chất lượng cao, trở thành một trong những trường dẫn đầu trong hệ thống các trường chuyên có khả năng cạnh tranh vào vị trí cộng đồng của khu vực và quốc tế.

- Mục tiêu: Xây dựng và phát triển trường trung học phổ thông chuyên Nguyễn huệ thành hệ thống chủ lực phát hiện những học sinh có tư chất thông minh, khá giỏi nhiều môn học, bồi dưỡng các em trở thành những học sinh có tình yêu đất nước, có ý thức tự lực, có nền tảng kiến thức vững vàng, có phương pháp tự học, tự nghiên cứu, có sức khoẻ tốt để tiếp tục đào tạo thành nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ tiền thân là trường trung học Kháng chiến Nguyễn Huệ được thành lập vào tháng 3 năm 1947. Năm 1997 là điểm mốc quan trọng khi nhà trường được giao một nhiệm vụ mới là đào học sinh năng khiếu và ngày 8 tháng 7 năm 1997 UBND tỉnh Hà Tây ra quyết định chuyển trường THPT Nguyễn Huệ thành trường THPT chuyên Nguyễn Huệ, nhà trường từ chỗ chỉ có 3

Scanned with CamScanner

Hệ chuyên Toán, Pháp, Hoá nay Trường có đầy đủ 11 hệ chuyên Toán, Lý, Hoá, Sinh, Tin, Văn, Sử, Địa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga. Tháng 7 năm 2013, Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ chuyển về địa điểm hiện tại, số 560B Quang Trung, quận Hà Đông, TP Hà Nội. Trong suốt quá trình xây dựng và trưởng thành, cán bộ, giáo viên và học sinh nhà trường đã đạt được nhiều thành tích cao trong công tác giảng dạy và học tập. Với những thành tích xuất sắc đó, nhà trường được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh Hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, được tặng thưởng huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba, huân chương Độc lập hạng Nhì, hạng Ba. Nhà trường liên tục đạt nhiều thành tích cao trong 5 năm trở lại đây. Năm học 2022-2023, nhà trường được tặng cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ. Các năm học 2020-2021; 2021-2022 và 2024-2025, nhà trường được tặng Cờ thi đua xuất sắc của UBND Thành phố. Năm học 2023-2024, nhà trường được Sở GDĐT tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

6. Người đại diện pháp luật: Bà Lương Quỳnh Lan Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 02433.829.018 Email: c3nguyenhue@hanoiedu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập: Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ được thành lập theo Quyết định số 689-QĐ/UB ngày 08/7/1997 của UBND tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội)

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ được Sở GDĐT Hà Nội công nhận Hội đồng trường theo Quyết định số 726/QĐ-SGDĐT ngày 27/3/2024. Hội đồng trường THPT chuyên Nguyễn Huệ gồm 11 thành viên. Danh sách thành viên Hội đồng trường gồm Hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên, đại diện các tổ Toán – Tin, tổ Ngoại ngữ, tổ Văn, tổ Lý – Hoá – CN, tổ Văn phòng, đại diện phòng giáo dục, đại diện học sinh và cha mẹ học sinh.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng

- Bà Lương Quỳnh Lan giữ chức vụ Hiệu trưởng theo Quyết định số 565/QĐ-SGDĐT ngày 31/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường THPT chuyên Nguyễn Huệ.

- Bà Phạm Thuý Hằng giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 213/QĐ-SGDĐT ngày 29/01/2021 về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THPT chuyên Nguyễn Huệ.

Scanned with CamScanner

- Ông Đinh Hữu Lâm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 968/QĐ-SGDĐT ngày 29/05/2023 về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THPT chuyên Nguyễn Huệ.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục, sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: Nhà trường hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên, ban hành bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo (hiện hành là Thông tư 05/2023/TT-BGDĐT đối với trường THPT chuyên) và các quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:

Chức năng

+ Tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông và chương trình chuyên sâu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Giáo dục học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng sống.

Nhiệm vụ

+ Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục hằng năm.

+ Tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và xếp loại học sinh theo quy định.

+ Quản lý giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ hoạt động giáo dục của trường THPT chuyên.

+ Phối hợp với gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh.

Quyền hạn

+ Được chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường.

+ Được tuyển sinh, quản lý và khen thưởng, kỷ luật học sinh theo quy định.

+ Được sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp để phục vụ hoạt động giáo dục.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:

+ Hiệu trưởng

+ Các Phó Hiệu trưởng

+ Các tổ chuyên môn (Toán-Tin, Lý-Hoá-CN, Sinh-TDTT-QPAN, Ngữ văn, Xã hội, Ngoại ngữ)

+ Tổ Văn phòng (Thủ quỹ, Kế toán, Văn thư, Y tế học đường, Bảo vệ)

+ Giáo viên chủ nhiệm

+ Các lớp học sinh

+ Các tổ chức đoàn thể: Chi bộ Đảng, Đoàn Thanh niên

Scanned with CamScanner

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển nhà trường, ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở, các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo đúng quy định.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	TB
	Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên	**123**	**1**	**81**	**38**	**1**	**2**		**68**	**45**	**1**	**123**		
I	**Giáo viên**	**110**	**1**	**78**	**31**				**66**	**43**	**1**	**110**		
1	Toán	17		14	3				10	7		17		
2	Vật lý	10		9	1				6	4		10		
3	Hóa học	8		7	1				3	5		8		
4	Sinh học	7		7					3	4		7		
5	Tin học	7		4	3				6	1		7		
6	Ngữ văn	14		13	1				8	6		14		
7	Lịch sử	7	1	6					4	3		7		
8	Địa lý	6		4	2				3	3		6		
9	Công nghệ	2		1	1				2			2		
10	Âm nhạc	1		1					1			1		
11	Mỹ thuật	1			1				1			1		
12	TDTT	4		1	3				2	2		4		
13	QPAN	3			3				1	2		3		
14	GDCD	3		3						3		3		
15	Tiếng Anh	14		6	8				12	2		14		
16	Tiếng Pháp	3			3				3			3		
17	Tiếng Nga	3		2	1				1	1	1	3		
II	**Cán bộ quản lý**	**3**		**3**					**1**	**2**		**3**		
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1		
2	Phó hiệu trưởng	2		2					1	1		2		
III	**Nhân viên**	**10**			**7**	**1**	**2**	**9**	**1**			**10**		
1	Nhân viên văn thư	1			1			1				1		
2	Nhân viên kế toán	1			1				1			1		
3	Nhân viên thủ quỹ	1			1			1				1		
4	Nhân viên y tế	1					1	1				1		
5	Nhân viên thư viện	2			1	1		2				2		
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	2			2			2				2		
7	Nhân viên bảo vệ	2			1		1	2				2		

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông về cơ sở vật chất

Scanned with CamScanner

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	54	
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	54	
2	Số phòng học bộ môn	6	
3	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
4	Bình quân học sinh/lớp	1872/54	34,7 hs/lớp
III	**Tổng số diện tích đất**	55.871	
IV	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập**	25.000	13
V	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m2)	2.600	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m2)	360	
3	Diện tích thư viện (m2)	1.800	
4	Diện tích nhà tập đa năng (m2)	1.147	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn (m2)	30	
6	Diện tích phòng truyền thống (m2)	100	
VI	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1,1	Khối lớp 10	3	01 bộ/05 lớp
1,2	Khối lớp 11	3	01 bộ/05 lớp
1,3	Khối lớp 12	3	01 bộ/05 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2,1	Khối lớp 10	0	
2,2	Khối lớp 11	0	
2,3	Khối lớp 12	0	
VII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (đơn vị tính: bộ)	150	Số học sinh/bộ

	Nội dung	Số lượng (m2)
VIII	**Nhà bếp**	352 m2
IX	**Nhà ăn**	706 m2

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
X	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	80 phòng x 20 m2 = 1600	320	5 m2
XI	**Khu nội trú**	50 phòng x 20 m2 = 1000	100	10 m2

XII	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho GV	Dùng cho học sinh		Số m2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

	Nội dung	Có	Không
XIII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XIV	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XV	**Kết nối internet**	x	
XVI	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XVII	**Tường rào xây**	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Scanned with CamScanner

Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục:

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ CBGV, NV cả về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong tình hình mới.
- Tiếp tục đổi mới quản lý trong đó coi trọng vấn đề chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục; nâng cao việc đào tạo bồi dưỡng tự học, tự rèn luyện của cán bộ quản lý, CBGV nhà trường.
- Tăng cường việc quản lý hồ sơ, sổ sách của tập thể nhà trường, của các cá nhân cán bộ - giáo viên - nhân viên coi đó là những minh chứng, cụ thể chứng minh cho công tác quản lý chất lượng giáo dục nhà trường.
- Tiếp tục xây dựng nhà trường có nếp sống văn hoá Thủ đô, đẩy mạnh các cuộc vận động và phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực". Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

Năm 2016: đạt cấp độ 3; Năm 2020: đạt cấp độ 3;

- Kết quả đạt chuẩn quốc gia: Năm 2020 được công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 2.
- Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: Kết quả tốt.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Thông tin về kết quả chất lượng giáo dục thực tế của năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm/KQRL**	**1 872**	**745**	**613**	**514**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1 870 (99,89%)			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0,11%)			
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0			
II	**Số học sinh chia theo học lực/KQHT**	**1 872**			
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1 872 (100%)			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0			
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0			
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1 872 (100%)			
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1 872 (100%)			
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	0			
2	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0			

Scanned with CamScanner

IV	**Số học sinh đạt giải trong các kỳ thi HSG**				
1	Cấp tỉnh/ thành phố	210 giải TP			
2	Quốc gia, khu vực một số nước, Quốc tế	39 giải QG			
V	**Số học sinh dự thi tốt nghiệp**	514			
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	514			
VII	**Số học sinh thi đỗ Đại học**	514			
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	964 nam, 908 nữ			
IV	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	10			

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai Học phí và các khoản thu khác từ người học: Mức thu học phí và các khoản thu khác năm học 2025 -2026 và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	**Năm học 2025 - 2026**			
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	217.000đ/tháng	Được miễn HP theo NĐ 238/2025/NĐ-CP
2	Nước uống	Đồng/học sinh/tháng	12.000đ/tháng	Đối với những tháng học trực tiếp tại trường
3	Học thêm dạy thêm	Đồng/học sinh/tiết		
II	**Năm học 2026 - 2027**			Dự kiến giữ nguyên mức thu như năm học 2025 - 2026
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	217.000đ/tháng	
2	Nước uống	Đồng/học sinh/tháng	12.000đ/tháng	
3	Học thêm dạy thêm	Đồng/học sinh/tiết		
III	**Năm học 2027 - 2028**			Dự kiến giữ nguyên mức thu như năm học 2026 - 2027
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	217.000đ/tháng	
2	Nước uống	Đồng/học sinh/tháng	12.000đ/tháng	
3	Học thêm dạy thêm	Đồng/học sinh/tiết		

2. Công khai các khoản chi năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	**Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài**	Đồng	27.960.679.600	
2	**Mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất)**			
2.1	*Mức cao nhất*	*Đồng/người/tháng*	*29.943.700*	
2.2	*Mức bình quân*	*Đồng/người/tháng*	*18.415.000*	
2.3	*Mức thấp nhất*	*Đồng/người/tháng*	*4.272.400*	
3	**Mức chi thường xuyên/1 học sinh**	Đồng/học sinh/năm	30.720.000	
4	**Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.**	Đồng	3.500.000.000	

Scanned with CamScanner

3. Công khai Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Số người	Số tiền (đồng)	Ghi chú
A	**Học kỳ I**			
1	Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	1.876	1.627.717.000	
2	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập	2	1.200.000	
B	**Học kỳ II**			
1	Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	1.872	2.031.120.000	
2	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập	2	1.500.000	
	Tổng số cả năm học	**3.752**	**3.661.537.000**	

4. Công khai Chính sách học bổng và kết quả thực hiện năm học 2025 - 2026

TT	Nội dung	Số người	Số tiền (đồng)	Ghi chú
A	Học kỳ I	1.812	4.777.472.000	
1	Đối tượng được hưởng chế độ học bổng Khối 12	512	1.375.997.000	
2	Đối tượng được hưởng chế độ học bổng Khối 11	596	1.568.259.000	
3	Đối tượng được hưởng chế độ học bổng Khối 10	704	1.833.216.000	
B	Học kỳ II	1.830	6.097.049.000	
1	Đối tượng được hưởng chế độ học bổng Khối 12	514	1.763.559.000	
2	Đối tượng được hưởng chế độ học bổng Khối 11	610	2.035.460.000	
3	Đối tượng được hưởng chế độ học bổng Khối 10	706	2.298.030.000	
	Tổng số cả năm học		10.874.521.000	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trường THPT Chuyên Nguyễn Huệ triển khai hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT Hà Nội. Công tác quản lý, chỉ đạo được tăng cường, kỷ cương nền nếp được giữ vững. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được quan tâm bồi dưỡng chuyên môn và đổi mới phương pháp dạy học. Chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục là thế mạnh nổi bật của nhà trường. Học sinh đạt nhiều kết quả cao trong các kỳ thi học sinh giỏi và sân chơi trí tuệ. Giáo dục toàn diện, đạo đức, kỹ năng sống và hướng nghiệp được chú trọng. Hoạt động nghiên cứu khoa học và STEM được đẩy mạnh. Chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học đạt hiệu quả thiết thực. Cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư, đáp ứng được điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học của trường THPT chuyên. Uy tín và vị thế của nhà trường trong hệ thống giáo dục Thủ đô tiếp tục được khẳng định.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Lương Quỳnh Lan

Scanned with CamScanner